

Bản án số: 46/2018/DS-ST
Ngày: 23/3/2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi
và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Kim Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Anh Dũng**;

2/ Bà **Đông Thị Mười**;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** –
Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay xét xử công khai vụ án thụ lý số 261/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 02 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyên đơn: Chị **Võ Thị V**, SN 1976 (Có mặt).

Anh Trần Thanh P, SN 1977 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: MT, xã HM, huyện CB, tỉnh G.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã TB, huyện L, tỉnh G.

- Người làm chứng: **Trần Văn T**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: MT, xã HM, huyện CB, tỉnh G.

Chị **Nguyễn Thị Xuân M**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: MT, xã HM, huyện CB, tỉnh G.

Anh Đông Minh P, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: MT, xã HM, huyện CB, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Thanh P, chị Võ Thị V trình bày:

Do quen biết nên anh P, chị V có cho chị Nguyễn Thị Mỹ H mượn 02 lần tiền, cụ thể:

Ngày 30/8/2014 (AL) anh P, chị V có cho chị Nguyễn Thị Mỹ H mượn số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng.

Ngày 20/02/2015 (AL) anh P, chị V có cho chị Nguyễn Thị Mỹ H mượn số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng.

Hai lần mượn tiền chị H có viết biên nhận và hứa đến năm 2016 sẽ trả tiền cho anh chị sau khi anh chị đòi lại số tiền này. Ngoài ra, anh P, chị V có tham gia chơi 01 phần hụi do chị Nguyễn Thị Mỹ H làm đầu thảo hụi mở ngày 17/5/2013 (AL), loại hụi 3.000.000 đồng, hụi gồm 16 phần, hụi khui một năm ba lần. Anh chị đã đóng được 11 kỳ với số tiền 33.000.000 đồng thì chị H ngưng hụi.

Nay anh P, chị V yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho anh chị số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền nợ hụi 33.000.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu là 72.000.000 đồng sau khi đã trừ tiền đầu thảo 1.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, tờ tự khai, giấy hụi, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, thông báo hòa giải, thông báo hoãn phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt không có lý do và cũng không có tự khai trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Võ Thị V, anh Trần Thanh P yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ H trả số tiền 72.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị V, anh P khởi kiện chị H để tranh chấp đòi tiền góp hui và tiền vay còn nợ lại. Căn cứ vào Điều 463, Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui”.

[3] Đối với số tiền nợ hui: Tại phiên tòa anh Trần Thanh P, chị Võ Thị V yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ H phải trả số tiền hui là 32.000.000 đồng sau khi trừ tiền đầu thảo 1.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử anh chị cung cấp đơn xin xác nhận có ghi nội dung tự khai của anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị Xuân M và anh Đồng Minh P cùng thống nhất anh T, chị M, anh P có tham gia chơi hui cùng với anh Trần Thanh P một dây hui 3.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị Mỹ H làm chủ hui, mỗi năm khai ba lần theo mùa lúa, đồng thời anh P, chị V có giấy hui khai ngày 17/5/2013 (AL). Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi đối chiếu bản khai của anh T, chị M, anh P đối với danh sách hui viên thì anh P, chị V có tham gia một phần hui do chị H làm đầu thảo. Vì vậy, xét yêu cầu của anh Trần Thanh P, chị Võ Thị V là có cơ sở căn cứ vào khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, chị V. Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho anh P, chị V số tiền nợ hui 32.000.000 đồng.

[4] Đối với tiền vay: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P và chị Võ Thị V, Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch vay tiền giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H với anh Trần Thanh P và chị Võ Thị V là có thật. Chị Nguyễn Thị Mỹ H có vay của anh Trần Thanh P, chị Võ Thị V hai lần tiền vào ngày 30/8/2014 (AL) và ngày 20/02/2015 (AL), mỗi lần vay 20.000.000 đồng. Sau khi vay, chị H chưa trả tiền cho anh P, chị V. Vay có viết biên nhận, biên nhận do chị H viết và ký tên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P, chị Võ Thị V buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H phải trả số tiền vay là 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay và nợ hui chị H phải trả cho anh P, chị V là 72.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất: Anh Trần Thanh P, chị Võ Thị V không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của anh P, chị V được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P, chị Võ Thị V.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho anh Trần Thanh P, chị Võ Thị V số tiền 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Trần Thanh P, chị Võ Thị V số tiền 1.825.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 14719 ngày 02/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Quyền kháng cáo: Anh P, chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận :

- TAND tỉnh G;
- VKSND H.L;
- Chi cục THADS H.L;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan